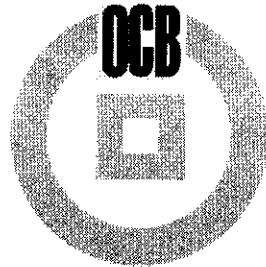
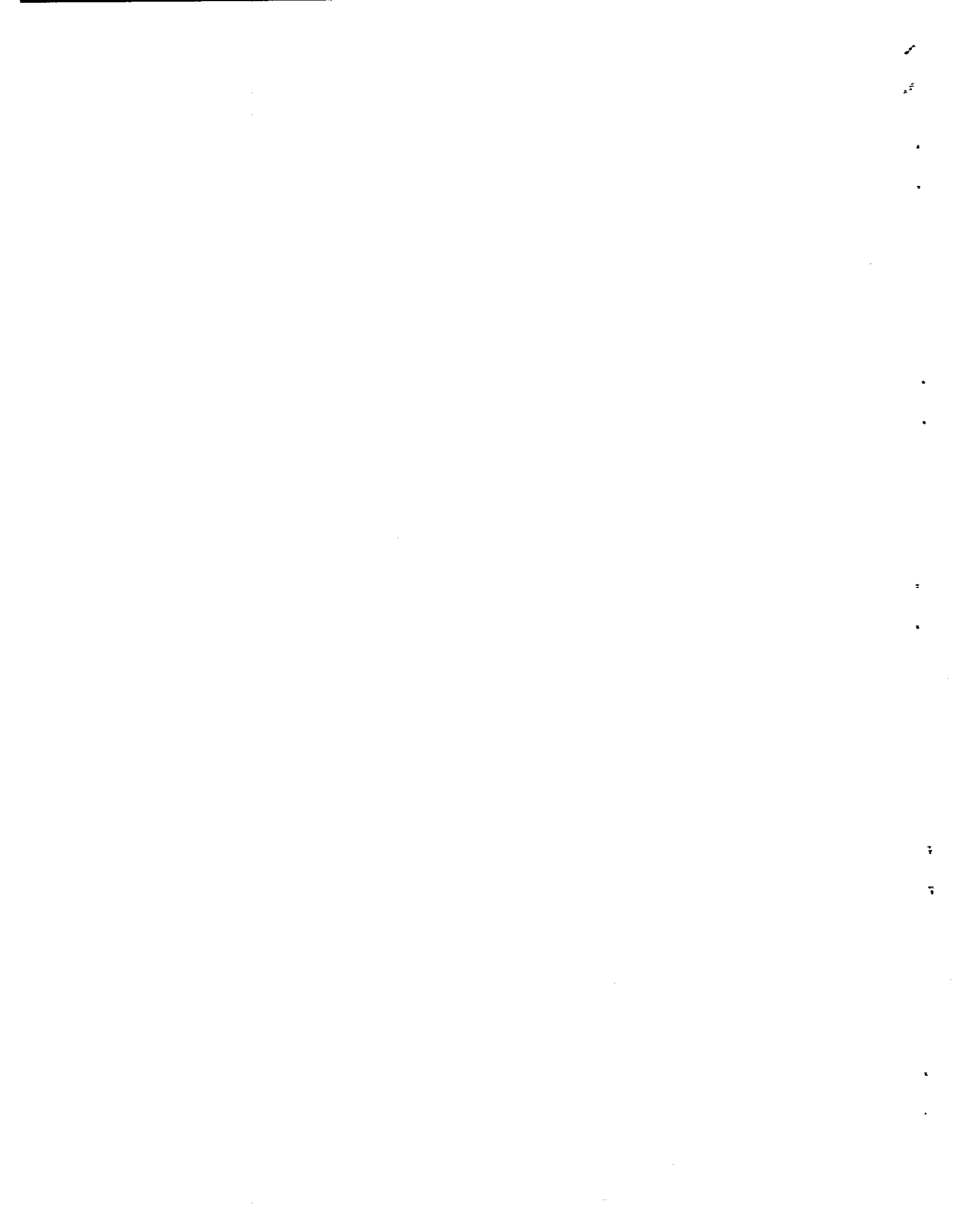


**NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG  
45 LÊ DUẬN, QUẬN 1, TP. HCM**



**NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ II-2008**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2008

Đơn vị tính: đồng VN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<b>30.06.2008</b>	<b>31.12.2007</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý		225.032.595.423	211.010.759.187
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)		318.112.250.917	246.964.459.781
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác		607.082.832.616	2.743.786.345.773
Chứng khoán kinh doanh	1	297.267.835.512	230.060.638.000
Chứng khoán kinh doanh		297.267.835.512	230.060.638.000
Cho vay khách hàng		8.332.467.716.329	7.515.303.245.787
Cho vay khách hàng	2	8.386.017.748.629	7.557.435.926.137
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	3	(53.550.032.300)	(42.132.680.350)
Chứng khoán đầu tư	4	173.192.061.978	171.153.714.380
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		72.044.806.214	65.747.496.185
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		109.125.811.880	109.245.811.880
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(7.978.556.116)	(3.839.593.685)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	5	150.014.726.000	135.426.956.000
Đầu tư dài hạn khác		150.014.726.000	135.426.956.000
<b>Tài sản cố định</b>		<b>256.754.767.257</b>	<b>244.435.379.832</b>
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>		206.019.706.150	204.137.497.806
Nguyên giá tài sản cố định		236.666.489.242	228.869.611.436
Hao mòn tài sản cố định		(30.646.783.092)	(24.732.113.630)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>		50.735.061.107	40.297.882.026
Nguyên giá tài sản cố định		52.678.903.510	41.593.189.903
Hao mòn tài sản cố định		(1.943.842.403)	(1.295.307.877)
<b>Tài sản có khác</b>		<b>322.329.543.079</b>	<b>256.870.444.743</b>
Các khoản phải thu		181.195.615.829	155.520.328.850
Các khoản lãi, phí phải thu		48.517.580.421	82.782.337.731
Tài sản có khác		92.616.346.829	18.567.778.162
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b><u>10.682.254.329.111</u></b>	<b><u>11.755.011.943.483</u></b>

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<b>30.06.2008</b>	<b>31.12.2007</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		<b>700.000.000.000</b>	
Tiền gửi và vay của các TCTD khác	6	2.552.467.904.188	<b>4.031.907.676.027</b>
Tiền gửi của các TCTD khác		2.551.303.055.684	4.030.801.194.427
Vay các TCTD khác		1.164.848.504	1.106.481.600
Tiền gửi của khách hàng	7	<b>5.670.130.759.061</b>	<b>5.771.743.203.089</b>
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		<b>40.806.317.507</b>	<b>61.101.241.507</b>
Các khoản nợ khác		<b>148.275.348.170</b>	<b>235.127.697.498</b>
Các khoản lãi, phí phải trả		81.542.515.792	141.040.479.150
Các khoản phải trả và công nợ khác	8	64.646.450.207	92.734.218.348
Dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng	3	2.086.382.171	1.353.000.000
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b><u>9.111.680.328.926</u></b>	<b><u>10.099.879.818.121</u></b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn và các quỹ	9		
Vốn điều lệ		1.111.111.000.000	1.111.111.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		345.000.000.000	345.000.000.000
Quỹ của TCTD		64.401.087.485	30.429.861.887
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(131.530.336)	-
Lợi nhuận kỳ này chưa phân phối		50.193.443.036	168.591.263.475
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b><u>1.570.574.000.185</u></b>	<b><u>1.655.132.125.362</u></b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b><u>10.682.254.329.111</u></b>	<b><u>11.755.011.943.483</u></b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<b>30.06.2008</b>	<b>31.12.2007</b>
Các khoản bảo lãnh		154.581.856.804	396.921.054.384
Trừ: giá trị ký quỹ bảo lãnh		(32.020.167.169)	(51.579.726.213)
<b>Công nợ tiềm ẩn</b>		<b>122.561.689.635</b>	<b>345.341.328.171</b>

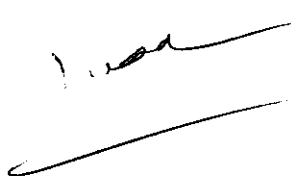
Tp. HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2008

Lập bảng

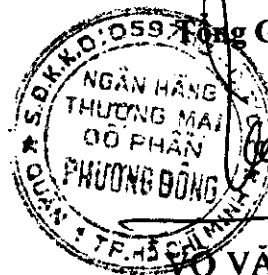


**Nguyễn Thị Thuý Minh**

Kế toán trưởng



**Đoàn Thị Xuân**



Tổng Giám đốc



**VÕ VĂN CHÂU**

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2008

Đơn vị tính: đồng VN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	QUI 2.2008	QUI 2.2007	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Q2.2008	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Q2.2007
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	10	345.416.922.185	261.533.400.597	663.387.874.531	489.576.612.982
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	11	(291.889.428.914)	(162.990.240.373)	(516.218.239.432)	(331.203.686.267)
<b>THU NHẬP LÃI THUẦN</b>		<b>53.527.493.271</b>	<b>98.543.160.224</b>	<b>147.169.635.099</b>	<b>158.372.926.715</b>
<i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>		<i>4.680.722.631</i>	<i>2.754.773.526</i>	<i>8.609.910.343</i>	<i>4.753.595.416</i>
<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>		<i>(1.311.607.256)</i>	<i>(874.231.790)</i>	<i>(2.662.062.294)</i>	<i>(1.195.281.326)</i>
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	12	3.369.115.375	1.880.541.736	5.947.848.049	3.558.314.090
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	13	(2.813.378.784)	370.258.996	4.276.049.303	1.120.028.761
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		(4.772.833)	-	(4.772.833)	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	14	91.307.000	11.781.888.637	(4.047.655.431)	15.582.100.000
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	15	1.628.283.359	903.363.611	4.464.071.815	2.879.066.995
Thu nhập hoạt động khác	16	2.724.154.516	(1.023.369.061)	4.055.196.113	(344.183.405)
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>58.522.201.904</b>	<b>112.455.844.143</b>	<b>161.860.372.115</b>	<b>181.168.253.156</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(45.878.681.053)</b>	<b>(38.734.770.452)</b>	<b>(89.708.830.872)</b>	<b>(65.029.588.457)</b>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>12.643.520.851</b>	<b>73.721.073.691</b>	<b>72.151.541.243</b>	<b>116.138.664.699</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(12.395.194.892)	(6.371.610.329)	(12.972.094.892)	(6.743.610.329)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>248.325.959</b>	<b>67.349.463.362</b>	<b>59.179.446.351</b>	<b>109.395.054.370</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(15.540.740.141)	(29.299.395.000)	(15.540.740.141)	(29.299.395.000)
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>(15.292.414.182)</b>	<b>38.050.068.362</b>	<b>43.638.706.210</b>	<b>80.095.659.370</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) (mệnh giá 10,000 đồng/cổ phiếu)					

Tp. HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2008

Lập bảng



**Nguyễn Thị Thuý Minh**

Kế toán trưởng



**Đoàn Thị Xuân**

Tổng Giám đốc



**VÕ VĂN CHÂU**

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Quý II năm 2008*

*Đơn vị tính: đồng VN*

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<b>30.06.2008</b>	<b>30.06.2007</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương		367.353.579.209	192.461.801.229
Chi phí lãi và các chi phí tương đương đã trả (*)		(357.491.742.553)	(104.793.874.710)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		3.369.115.375	1.891.941.736
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		(2.726.844.617)	18.813.031.759
Thu nhập khác		1.020.859.274	(1.162.465.313)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		1.680.915.093	-
Tiền chi trả cho nhân viên và chi phí hoạt động kinh doanh		(42.169.721.464)	(31.583.063.115)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ		(33.851.617.142)	(29.852.770.725)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ</b>		<b><u>62.815.456.825</u></b>	<b><u>45.774.600.861</u></b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
Tăng các khoản tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		1.703.136.238.464	36.069.552.712
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(12.205.274.350)	9.255.372.000
Tăng các khoản cho vay khách hàng		191.032.903.705	3.409.655.754
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay khách hàng		-	-
Giảm/(tăng) về tài sản hoạt động khác		71.458.931.853	(118.071.890.317)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
Tăng các khoản nợ chính phủ và NHNN		700.000.000.000	
Tăng các khoản tiền gửi và vay của các TCTD		(1.273.587.157.022)	(345.900.933.959)
Tăng các khoản tiền gửi của khách hàng		(1.093.262.624.744)	381.871.098.877
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(15.638.651.000)	27.788.437.507
Tăng công nợ khác		(18.971.048.503)	45.010.448.526
Chi từ các quỹ		(3.436.799.581)	(186.548.419.851)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>		<b><u>185.711.061.997</u></b>	<b><u>(101.342.077.890)</u></b>

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>31.03.2008</i>	<i>30.06.2007</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(10.737.167.019)	(70.122.700.934)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ			
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(14.587.770.000)	(3.545.856.000)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		9.273.691.654	3.142.670.516
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(16.051.245.365)</b>	<b>(70.525.886.418)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn (phát hành CP)			183.000.000.000
Cổ tức trả cho cổ đông		(113.546.247.525)	(51.351.271.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(113.546.247.525)	131.648.728.516
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		56.113.569.107	(40.219.235.792)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	27	1.397.789.927.197	1.883.129.610.628
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		2.438.004.116	209.715.012
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	27	1.456.341.500.420	1.843.120.089.848

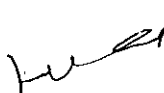
Tp. HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2008

Lập bảng

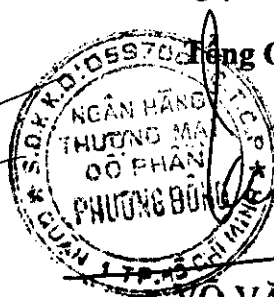


Nguyễn Thị Thuý Minh

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Xuân



Tổng Giám đốc

VÔ VĂN CHÂU